

CÔNG TY CP CAO SU THỐNG NHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: 24h

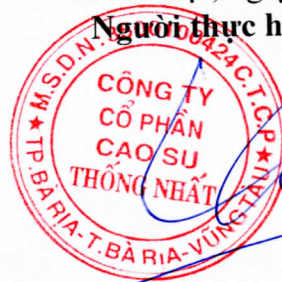
III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên Website của TRC tại địa chỉ: <http://trc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP.Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



CTY CP CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

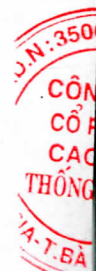
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184,415,411,400	175,274,480,407
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9,414,833,832	31,858,870,992
Tiền	111		9,414,833,832	6,858,870,992
Các khoản tương đương tiền	112		-	25,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145,000,000,000	115,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		145,000,000,000	115,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9,233,669,344	11,074,028,442
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5,317,186,841	7,340,931,392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,981,234,422	4,068,466,262
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		5,073,803,756	4,846,186,463
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,138,555,675)	(5,181,555,675)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13,341,965,522	17,248,090,857
Hàng tồn kho	141		13,341,965,522	17,248,090,857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,424,942,702	93,490,116
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7,424,942,702	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	93,490,116
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168,520,759,397	165,700,570,702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46,980,007,697	50,136,161,125
Tài sản cố định hữu hình	221		46,895,007,698	50,022,827,792
Nguyên giá	222		115,281,935,141	116,299,311,121
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68,386,927,443)	(66,276,483,329)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		84,999,999	113,333,333
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(255,000,001)	(226,666,667)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		65,839,341,071	66,881,924,323
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		65,839,341,071	66,881,924,323
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		51,811,175,704	46,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25,000,000,000	20,000,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,890,234,925	1,871,309,550
Chi phí trả trước dài hạn	261		3,757,155,904	1,729,630,529
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		133,079,021	141,679,021
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		352,936,170,797	340,975,051,109
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		27,850,352,402	27,203,575,785
I. Nợ ngắn hạn	310		18,850,352,402	21,203,575,785
Phải trả người bán ngắn hạn	311		860,973,624	1,140,746,351
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632,600,270	632,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		4,599,574,626	707,887,210
Phải trả người lao động	314		466,133,095	7,089,961,355
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		246,737,135	1,471,801,823
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2,402,248,801	1,851,532,438
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		9,642,084,851	8,309,046,608
Quỹ bình ỏ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		9,000,000,000	6,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		325,085,818,395	313,771,475,324
I. Vốn chủ sở hữu	410		325,085,818,395	313,771,475,324
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95,474,011,654	94,077,963,251
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37,111,806,741	27,193,512,073
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	27,193,512,073
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37,111,806,741	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		352.936.170,797	340.975.051,109

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2019

1004
G TY
HÂN
SU
NHẤT
RIA-V

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P. Phước Hưng, TP. Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,650,619,435	22,858,262,022	26,565,918,620	33,166,827,901
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	20,650,619,435	22,858,262,022	26,565,918,620	33,166,827,901
11	Giá vốn hàng bán	17,826,505,572	18,817,332,313	23,107,231,011	27,146,581,385
20	Lợi nhuận gộp	2,824,113,863	4,040,929,709	3,458,687,609	6,020,246,516
21	Doanh thu hoạt động tài chính	36,135,144,018	17,673,160,166	38,523,893,957	19,755,425,320
22	Chi phí tài chính	-	-	29,150,685	-
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	44,119,182	33,428,241	47,989,182	94,605,149
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,470,578,596	2,593,209,616	4,820,632,590	4,524,012,819
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35,444,560,103	19,087,452,018	37,084,809,109	21,157,053,868
31	Thu nhập khác	4,403,970,058	275,532,728	4,571,286,955	540,540,288
32	Chi phí khác	3,612,262,234	932,202,495	3,630,173,957	896,097,939
40	Lợi nhuận khác	791,707,824	(656,669,767)	941,112,998	(355,557,651)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36,236,267,927	18,430,782,251	38,025,922,107	20,801,496,217
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	549,909,405	696,621,698	905,515,366	1,174,325,690
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3,400,000	3,080,000	8,600,000	4,080,000
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35,682,958,522	17,731,080,553	37,111,806,741	19,623,090,527
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,854	921	1,928	827
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,854	921	1,928	827



TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		38,025,922,107	20,801,496,217
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		3,146,218,445	2,989,580,497
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(43,000,000)	(20,400,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41,545,589,393)	(20,036,111,517)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(416,448,841)	3,734,565,197
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1,432,849,214	1,079,785,033
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3,906,125,335	11,290,663,598
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		250,552,669	(9,635,395,555)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(9,452,468,077)	(6,985,261,936)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(615,002,962)	(526,629,078)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,632,925,427)	(5,269,557,100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,527,318,089)	(6,311,829,841)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1,778,962,471)	(1,286,975,306)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		4,542,041,500	280,686,197
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70,000,000,000)	(55,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		35,000,000,000	10,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38,536,613,400	18,384,716,987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,299,692,429	(27,621,572,122)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18,216,411,500)	(17,014,725,180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,216,411,500)	(17,014,725,180)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(22,444,037,160)	(50,948,127,143)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		31,858,870,992	118,324,370,593
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		9,414,833,832	67,376,243,450



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng




NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2019

I, ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1, Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần,

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192,500,000,000 đồng,

2, Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3, Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng,

4, Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5, Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6, Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc,

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xi nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

II, KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1, Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

2, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam,

III, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính,

3, Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV, CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc,
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty,

2, Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền,

3, Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ, Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán,

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,

4, Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi,

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán,

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm,

5, Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại,



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển,

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền,

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính, Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm,

6, Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế,

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng, Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành,

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7, Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm,

8, Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8,1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác,

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư, Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm,

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm,

8,2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang,

9, Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc,

0100
NG T
PHÂN
O SU
G NH
À RI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm,

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này,

10, Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá,

11, Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí,

12, Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua,

13, Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua, Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại,

14, Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại, Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu,

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước,

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế, Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được, Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện,

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế, Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty có

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế,

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế,

15, Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba, Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP, HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V, THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1, Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1, Tiền		
- Tiền mặt	516,216,307	604,928,572
- Tiền gửi ngân hàng	8,898,617,525	6,253,942,420
- Các khoản tương đương tiền		25,000,000,000
Tổng cộng:	9,414,833,832	31,858,870,992

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	394,860,121		394,860,121
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	45,251,186		45,251,186
Tại quỹ NTCS Phong Phú	-		-
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	76,105,000		76,105,000
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	-		-
Tổng cộng:	516,216,307	-	516,216,307

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng Tàu	3,929,152,798		3,929,152,798
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	311,616,342		311,616,342
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	15,084,409		15,084,409
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	4,642,763,976		4,642,763,976
Tổng cộng:	8,898,617,525		8,898,617,525

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	25,000,000,000
Tổng cộng:	-	25,000,000,000

2, Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	145,000,000,000	145,000,000,000		115,000,000,000	115,000,000,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	145,000,000,000	145,000,000,000		115,000,000,000	115,000,000,000	
b2) Dài hạn	25,000,000,000	25,000,000,000		20,000,000,000	20,000,000,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	25,000,000,000	25,000,000,000		20,000,000,000	20,000,000,000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26,811,175,704		26,811,175,704	26,811,175,704		26,811,175,704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1,796,000 USD tương đương với 26,811,175,704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5,317,186,841	4,820,735,675	7,340,931,392
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4,129,180,000	4,129,180,000	4,129,180,000
Công ty TNHH QUILON VN			1,483,989,051
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình			116,821,500
Công ty TNHH TMDVXNK Hồng Thái Dương	133,740,000		
DNTN TM Tuyết Sơn			152,190,000
Công ty TNHH Thành Lợi	362,711,166		412,711,166
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương			311,484,000
Các khách hàng là Đại lý bán cám	691,555,675	691,555,675	734,555,675
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-		-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			
Tổng cộng:	5,317,186,841	4,820,735,675	7,340,931,392

4, Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a, Trả trước cho người bán ngắn hạn	3,981,234,422	4,068,466,262
Công ty CP Đất Đỏ	340,000,000	340,000,000
Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Thọ		217,450,000
Công ty TNHH Cách nhiệt Hà Bắc	26,200,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Công ty Cổ phần Vải Địa kỹ thuật Việt Nam		267,300,000
Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Việt	82,500,000	
Công ty TNHH CP Tư vấn thiết kế Hưng Việt		
Công nghệ và thiết bị tươi Netafim Viễn Nam	3,532,534,422	2,695,956,262
Công ty Cổ phần công nghệ Gen -Việt Tất Thành		527,760,000
Cơ sở thanh Phụng		20,000,000
Hoàng thị thu lý (Trung Tâm Phát triển cao su Tiểu Điền)		
b, Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	3,981,234,422	4,068,466,262

5, Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	5,073,803,756	317,820,000	4,846,186,463	317,820,000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317,820,000	317,820,000	317,820,000	317,820,000
Phải thu bảo hiểm người lao động	615,592,349		268,815,636	
Phải thu thuế TNCN người lao động	92,312,556		20,962,495	
Lãi tiền gửi phải thu	3,716,488,889		3,729,208,332	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát	172,000,000		388,000,000	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	118,150,000		66,900,000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5,000,000		5,000,000	
Phải thu khác XNNS Phước Hưng			7,000,000	
Phải thu khác (Quý đến ơn đáp nghĩa, người nghèo)	36,439,962		42,480,000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	5,073,803,756	317,820,000	4,846,186,463	317,820,000

6, Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a, Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,138,555,675	5,181,555,675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4,447,000,000	4,447,000,000
Dương Thị Yên	53,000,000	53,000,000
Lê Ngọc Tùng	61,364,340	82,364,340
Dương Minh Chiến	39,879,160	40,879,160
Nguyễn Văn Phước	6,550,000	6,550,000
Lê Thị Trúc Lệ	59,115,235	59,115,235
TT Khuyến Nông	8,320,000	8,320,000
Nguyễn Thanh Tự	58,300,000	58,300,000
Anh Hoàng - Long Phước	2,933,500	2,933,500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246,776,700	246,776,700
Nguyễn Thanh Quang	10,450,000	12,450,000
Phạm Ngọc Dũng	9,866,740	13,866,740
Dương Văn Lợi	135,000,000	150,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

b, Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
c, Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	5,138,555,675	5,181,555,675

7, Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tổng cộng:				

8, Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9, Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4,817,169,394	-	1,442,193,788	-
- Công cụ, dụng cụ	1,104,423,949	-	619,396,298	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,743,535,805	-	1,034,132,591	-
- Thành phẩm	1,676,836,374	-	14,152,368,180	-
- Hàng hoá	-	-	-	-
Tổng cộng:	13,341,965,522	-	17,248,090,857	-

10, Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	5,441,820,816	-	1,026,870,831	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	5,364,188,891	-	957,301,906	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	77,631,925	-	69,568,925	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	65,839,341,071	-	66,881,924,323	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	8,621,913,272	-	8,409,158,914	-
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	56,757,826,368	-	57,667,587,030	-
Vườn cây Mít	459,601,431	-	-	-
Chi phí mua sắm dở dang tại Đội NNUDCNC Thống Nhất	-	-	805,178,379	-
Tổng cộng:	72,281,161,887	-	67,908,795,154	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

11, Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40,744,121,813	22,483,315,914	6,229,832,989	969,260,693	46,714,779,710	117,141,311,119
- Mua trong năm	761,130,524		260,000,000			1,021,130,524
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán					2,540,506,504	2,540,506,504
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	41,505,252,337	22,483,315,914	6,489,832,989	969,260,693	44,174,273,206	115,621,935,139
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36,138,859,393	15,726,499,493	3,131,677,571	870,094,028	12,211,267,593	68,078,398,078
- Khấu hao trong năm	357,571,968	484,210,055	138,104,831	14,166,667	576,916,840	1,570,970,361
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán					1,007,440,997	1,007,440,997
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	36,496,431,361	16,210,709,548	3,269,782,402	884,260,695	11,780,743,436	68,641,927,442
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	4,605,262,420	6,756,816,421	3,098,155,418	99,166,665	34,503,512,117	49,062,913,041
- Tại ngày cuối năm	5,008,820,976	6,272,606,366	3,220,050,587	84,999,998	32,393,529,770	46,980,007,697

12, Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<i>Chương trình phần mềm</i>
	VND
Nguyên giá	340,000,000
Số dư đầu năm	
Số dư cuối kỳ	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	255,000,001
Số dư đầu năm	240,333,334
- Khấu hao trong năm	28,333,334
Số dư cuối kỳ	268,666,668
Giá trị còn lại	
- Tại ngày đầu năm	113,333,333
- Tại ngày cuối kỳ	84,999,999

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

13, Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a, Chi phí trả trước ngắn hạn	(104,908,740)	10,849,081,889	3,319,230,477	7,424,942,672
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		2,891,199,738	1,261,994,632	1,629,205,106
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		2,880,026,212	301,848,075	2,578,178,137
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		1,181,139,574	501,347,974	679,791,600
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	(104,908,740)	3,896,716,365	1,254,039,796	2,537,767,829
b, Chi phí trả trước dài hạn	3,510,026,329	640,962,272	393,832,697	3,722,155,904
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	3,510,026,329	640,962,272	393,832,697	3,722,155,904
Tổng cộng:	3,405,117,589	11,490,044,161	3,713,063,174	11,147,098,576

14, Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	133,079,021	141,679,021
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	133,079,021	141,679,021
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN		
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	133,079,021	141,679,021
Tổng cộng:	133,079,021	141,679,021

15, Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	860,973,624	460,934,911	1,140,746,351	1,140,746,351
C ty TNHH TM DV Hoàng Huy Nguyên	9,278,500	9,278,500	9,278,500	9,278,500
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh Nguyễn Thị Hạnh			114,000	114,000
Nguyễn Thị Tuyết			56,744,471	56,744,471
Nguyễn Thị Tuyết			205,380,287	205,380,287
Nguyễn thị Thu Hồng	46,081,496	46,081,496	31,470,377	31,470,377
Bùi thị Tuyết Nhung	16,172,173	16,172,173	15,482,634	15,482,634
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hai Sơn			581,914,801	581,914,801
Công ty CP Thương Mại XNK VNT	222,500,000			
Công ty TNHH Phân Bón Duy Thiên	116,000,000			
Công ty TNHH Thêu và Thiết Kế Hoàng Huy	237,465,260			
Công ty TNHH TM DV Tấn Cường	17,500,000			

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Nguyễn Thị Hồng Minh	9,241,027	9,241,027		
Nguyễn Thị Hồng Đăng	7,110,515	7,110,515		
Châu Anh Tuấn	11,000,000	11,000,000		
Hoàng thị Thu Lý	131,500,000	131,500,000		
Huỳnh thanh Hương	10,812,211			
Huỳnh thị Mỹ Dung	26,312,442			
Đội Cao Su Phong phú			9,722,045	9,722,045
Huỳnh thanh Hương			9,391,519	9,391,519
Huỳnh thị Mỹ Dung			12,495,717	12,495,717
Công ty TNHH QUILON VN		230,551,200	103,680,000	103,680,000
Công ty CP Cao su Bà Rịa			25,872,000	25,872,000
DNTN Đại Hoàng Lâm			79,200,000	79,200,000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16, Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632,600,270	632,600,000
Tổng cộng:	632,600,270	632,600,000

17, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	509,670,604	977,298,006	1,362,047,368	124,921,242
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189,538,030	905,515,366	615,002,962	480,050,434
Thuế thu nhập cá nhân (*)	7,809,456	515,756,136	491,447,180	32,118,412
Thuế tài nguyên	869,120	1,364,800	2,049,280	184,640
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(93,490,116)	6,324,398,583	2,268,608,569	3,962,299,898
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	7,000,000	7,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4,096,288	4,096,288	-
Tổng cộng:	614,397,094	8,719,366,576	4,750,251,647	4,599,574,626
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>93,490,116</i>			
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>707,887,210</i>			<i>4,599,574,626</i>

18, Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	466,133,095	7,089,961,355

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tổng cộng:	466,133,095	7,089,961,355
-------------------	--------------------	----------------------

19, Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	246,737,135	1,471,801,823
Tiền ăn giữa ca		
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>	18,180,000	40,119,306
- <i>NTCS Hòa Bình</i>	47,445,000	62,040,000
- <i>Nhà máy CBMũ Bàu Non</i>	6,645,000	23,727,318
Tiền lương chế độ	82,103,570	
Chi phí phải trả khác	16,363,565	
Tiền thuê đất chưa quyết toán		1,298,415,199
Chi phí kiểm toán BCTC	50,000,000	47,500,000
Trợ cấp thôi việc	26,000,000	
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	246,737,135	1,471,801,823

20, Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2,402,248,801	1,851,532,438
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282,588,250	282,588,250
- <i>Công ty TNHH TK XD Núi Đất</i>	42,000,000	42,000,000
- <i>Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn</i>	21,700,000	21,700,000
- <i>Công ty TNHH An Hạ</i>	49,200,000	49,200,000
- <i>DNTN Lê Lê Khánh</i>	25,000,000	25,000,000
- <i>Công ty TNHH Hoàng Diệp</i>	16,695,000	16,695,000
- <i>DNTN Dương Hải</i>	3,135,000	3,135,000
- <i>Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong</i>	60,000,000	60,000,000
- <i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	14,858,250	14,858,250
- <i>Lê Quốc Tuấn</i>	50,000,000	50,000,000
- <i>Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ</i>	107,470,450	67,750,000
- <i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK</i>	39,622,000	39,622,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1,283,411,968	1,212,323,468
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247,426,902	247,426,902
Các khoản phải trả ,phải nộp khác	441,729,231	1,821,818
b) Dài hạn	-	-
- Lãi vay		
- Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9,000,000,000	6,000,000,000
Tổng cộng:	11,402,248,801	7,851,532,438

21, Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------------------------	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

22, Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
	-	-		-
Tổng cộng:	-	-		-

23, Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6,798,588,049	3,410,981,835	2,398,600,000	7,810,969,884
Quỹ phúc lợi	1,510,458,559	3,410,981,835	3,090,325,427	1,831,114,967
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ		-		-
Quỹ khen thưởng BQL, điều hành công ty				-
Tổng cộng:	8,309,046,608	6,821,963,670	5,488,925,427	9,642,084,851

24, Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192,500,000,000	91,957,636,159	22,975,515,092	307,433,151,251
- Lãi trong năm nay			26,753,456,062	26,753,456,062
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1,060,327,092	(1,060,327,092)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				-
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(6,036,588,000)	(6,036,588,000)
- Chia cổ tức			(15,400,000,000)	(15,400,000,000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(78,600,000)	(78,600,000)
- Giám khác			(400,000,000)	(400,000,000)
Số dư cuối năm trước	192,500,000,000	93,017,963,251	26,753,456,062	312,271,419,313
Số dư đầu năm nay	192,500,000,000	94,077,963,251	27,193,512,073	313,771,475,324
- Lãi trong năm nay			37,111,806,741	37,111,806,741
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1,396,048,403	(1,396,048,403)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(6,821,963,670)	(6,821,963,670)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(144,000,000)	(144,000,000)
- Chia cổ tức			(18,287,500,000)	(18,287,500,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(544,000,000)	(544,000,000)
Số dư cuối kỳ	192,500,000,000	95,475,011,654	37,127,869,344	325,085,818,395

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98,175,000,000	98,175,000,000
- Cổ đông khác (49%)	94,325,000,000	94,325,000,000
Cộng	192,500,000,000	192,500,000,000

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,250,000	19,250,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19,250,000	19,250,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19,250,000	19,250,000

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND*

25, Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

VI, THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1, Tổng Doanh thu	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	19,157,400,000	20,423,955,650	21,037,335,000	27,727,955,650
Doanh thu bán mũ thu mua			1,693,065,000	4,508,400
Doanh thu bán điều thứ phẩm	26,852,380	1,658,340	26,852,380	1,658,340
Doanh thu gia công điều	565,467,054	1,988,225,032	2,606,583,739	4,410,938,511
Doanh thu bán vỏ điều		441,423,000	301,182,500	1,018,767,000
Doanh thu khác	114,270,001	3,000,000	114,270,001	3,000,000
Doanh thu bán chuỗi	786,630,000		786,630,000	
Tổng cộng	20,650,619,435	22,858,262,022	26,565,918,620	33,166,827,901

2, Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	-	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

3, Giá vốn hàng bán	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	16,148,090,416	16,584,152,828	17,738,944,906	22,502,680,722
Giá vốn bán mũ thu mua			1,434,807,991	3,341,520
Giá vốn bán điều thứ phẩm	41,296,640		41,296,640	36,849,330
Giá vốn gia công điều	1,072,906,836	1,966,819,256	3,128,649,794	4,083,770,374
Giá vốn bán vỏ điều		218,680,000	199,320,000	466,505,714
Giá vốn khác	112,543,680	10,830,899	112,543,680	53,433,725
Giá vốn bán phối điều		36,849,330		
Giá vốn bán chuỗi	451,668,000		451,668,000	
Tổng cộng	17,826,505,572	18,817,332,313	23,107,231,011	27,146,581,385
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Tổng cộng	17,826,505,572	18,817,332,313	23,107,231,011	27,146,581,385

4, Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,655,143,779	2,394,701,866	5,043,893,718	4,476,967,020
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33,480,000,239	15,278,458,300	33,480,000,239	15,278,458,300
Tổng cộng	36,135,144,018	17,673,160,166	38,523,893,957	19,755,425,320

5, Chi phí tài chính:	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay				
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng	-	-	-	-

6, Chi phí bán hàng	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mũ cao su và bóc xếp	44,119,182	33,428,241	47,989,182	94,605,149
Tổng cộng	44,119,182	33,428,241	47,989,182	94,605,149

7, Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	948,491,748	1,698,982,048	1,845,273,073	3,345,936,204
Khấu hao tài sản cố định	122,369,686	75,252,619	244,739,372	150,505,239
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11,647,507	49,841,074	26,259,173	99,682,148
Chi phí trợ cấp mất việc làm	353,994,818	195,746,300	398,723,618	211,614,614
Thuế, phí và lệ phí	1,401,127,480		1,404,127,480	4,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	651,593,773	589,310,458	946,156,290	881,697,497
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(17,000,000)	(15,400,000)	(43,000,000)	(10,400,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tổng cộng	3,472,225,012	2,593,732,499	4,822,279,006	4,683,035,702
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	1,646,416	522,883	1,646,416	159,022,883
Tổng cộng	3,470,578,596	2,593,209,616	4,820,632,590	4,524,012,819

8, Thu nhập khác	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định(Cây cao su)	4,502,021,500	24,260,000	4,542,041,500	38,400,000
Thu từ bán tài sản cố định		63,636,364		318,181,819
Thu từ bán mũ bọt nhà máy		187,636,364	19,500,000	7,635,000
Thu khác	5,200,000		112,996,897	252,219,091
Giảm trừ thu nhập khác	(103,251,442)		(103,251,442)	(75.895.622)
Tổng cộng	4,403,970,058	275,532,728	4,571,286,955	540.540.288

9, Chi phí khác	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vườn cây cao su	75,149,500	51,818,182	77,185,600	(75,895,622)
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	10,279,336		20,558,671	14,979,257
Giá trị còn lại vườn cây thanh lý	1,533,065,507		1,533,065,507	
Chi phí khác	1,993,767,890	880,384,313	1,999,364,178	881,118,682
Tổng cộng	3,612,262,233	932,202,495	3,630,173,956	896.097.939

10, Lãi trên cổ phiếu	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35,682,958,522	17,731,080,553	37,111,806,741	19,623,090,527
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	35,682,958,522	17,731,080,553	37,111,806,741	19,623,090,527
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19,250,000	19,250,000	19,250,000	19,250,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,854	921	1,928	827

11, Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,619,023,873	2,336,454,244	3,724,147,559	4,427,268,956
- Chi công cụ dụng cụ	1,191,307,878	1,100,127,531	1,266,734,442	1,136,865,118
- Chi phí nhân công	2,379,770,057	4,022,613,293	6,777,023,614	9,450,863,598
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	733,491,644	595,936,113	1,691,221,193	1,333,435,485
- Chi phí khác bằng tiền	6,132,101,745	3,578,882,495	8,647,482,540	5,545,632,794
Tổng Cộng	13,055,695,197	11,634,013,676	22,106,609,348	21,894,065,951

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

VII, THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

VIII, NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1, Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không

2, Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không

3, Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ,

Thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, thư ký HĐQT,	09			207,000,000	207,000,000
- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	03	513,000,000	144,000,000		657,000,000
Cộng		513,000,000	144,000,000	207,000,000	864,000,000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3, 1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính,

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (đồng)
- Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn, Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty,	58,840,000
- Công ty mua phân hữu cơ vi sinh của Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Bách Tùng	Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty,	56,532,000

4, Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mùn cao su Bà Non, Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su,,,

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY		
	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1, Doanh thu thuần	23,631,300,001	2,934,618,619	26,565,918,620
2, Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
3, Khấu hao	2,719,919,455	426,298,990	3,146,218,445
4, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,882,576,339	(1,856,654,232)	38,025,922,108
5, Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1,778,962,471		1,778,962,471
6, Tài sản bộ phận	339,426,159,684	13,510,011,113	352,936,170,797
7, Tài sản không phân bổ			
Tổng Tài sản	339,426,159,684	13,510,011,113	352,936,170,797
8, Nợ phải trả bộ phận	27,850,352,402		27,850,352,402
9, Nợ phải trả không bộ phận	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	27,850,352,402		27,850,352,402

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5, Thông tin so sánh:

6, Thông tin về hoạt động liên tục:

7, Những thông tin khác:

Kế toán trưởng / người lập bảng

(Ký, họ tên)

Trần Hữu Trí

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2019

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Nhật Thành Lâm